



VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, MÔI TRƯỜNG VÀ BIỂN
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

SỐ THÁNG 01 NĂM 2026



MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH.....	iii
GIỚI THIỆU	1
PHẦN I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 1 NĂM 2026	2
1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp	2
1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng.....	4
1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng.....	6
PHẦN II. DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 02–04/2026.....	9
2.1. Nhận định rủi ro và tác động của khí hậu từ tháng 2 đến tháng 4/2026	9
2.1.1. Rủi ro khí tượng đối với cây trồng trong tháng 02–04/2026	9
2.1.2. Rủi ro đối với vật nuôi	12
PHẦN III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (02–04/2026)	14

DANH MỤC VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNB	Đông Nam Bộ
ENSO	Dao động Nam (El Niño-Southern Oscillation)
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
TN	Tây Nguyên
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SNM	Số ngày mưa
STNN	Sinh thái nông nghiệp
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt- ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
Tx	Nhiệt độ tối cao
Tm	Nhiệt độ tối thấp
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng	4
Bảng 2. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính.....	5
Bảng 3. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 1/2026.....	6
Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa từ lượng mưa dự báo thời kỳ 02–04/2026	10
Bảng 5. Tổng hợp mức độ thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng một số cây trồng do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu (02–04/2026)	11
Bảng 6. Tổng hợp giải pháp ứng phó rủi ro khí hậu đối với cây trồng (02–04/2026)	15

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/1/2026 đến ngày 20/1/2026 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp.....	3
Hình 2. Nhiệt độ tối thấp trung bình (Tm) từ ngày 1-20 tháng 1/2026	7
Hình 3. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp từ ngày 1-20 tháng 1/2026	7
Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 1/2026	8
Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 1/2026	8
Hình 6. Dự báo điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp tháng 2/2026 đến tháng 4/2026.....	12
Hình 7. Dự báo nhiệt độ trung bình tháng 2/2026 đến tháng 4/2026 (°C)	12
Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 2/2026 đến tháng 4/2026 dựa trên chỉ số THI	13

GIỚI THIỆU

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu – Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển định kỳ xuất bản bản tin **“Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp”** hàng tháng, nhằm cung cấp thông tin cập nhật và hỗ trợ kịp thời cho sản xuất nông nghiệp.

Bản tin được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và phân tích số liệu từ các nguồn dữ liệu, tài liệu chuyên ngành:

- Số liệu quan trắc khí tượng, khí tượng nông nghiệp từ mạng lưới trạm quan trắc trên toàn quốc do Cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sâu bệnh và sản xuất nông nghiệp từ Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Các kết quả phân tích, dự báo khí hậu từ Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển.

Bản tin tháng 1/2026 gồm ba phần chính:

- Phần I – Điều kiện khí tượng nông nghiệp và cây trồng từ ngày 1 đến ngày 20 tháng 1 năm 2026.
- Phần II – Dự báo điều kiện khí tượng nông nghiệp và rủi ro đến sản xuất nông nghiệp từ tháng 2/2026 đến tháng 4/2026.
- Phần III – Khuyến nghị sản xuất nông nghiệp từ tháng 2/2026 đến tháng 4/2026.

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu trân trọng giới thiệu bản tin tháng 1/2026, với kỳ vọng hỗ trợ hiệu quả cho công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng lực thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai trong lĩnh vực nông nghiệp.

PHẦN I.

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 1 ĐẾN NGÀY 20 THÁNG 1 NĂM 2026

1.1. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

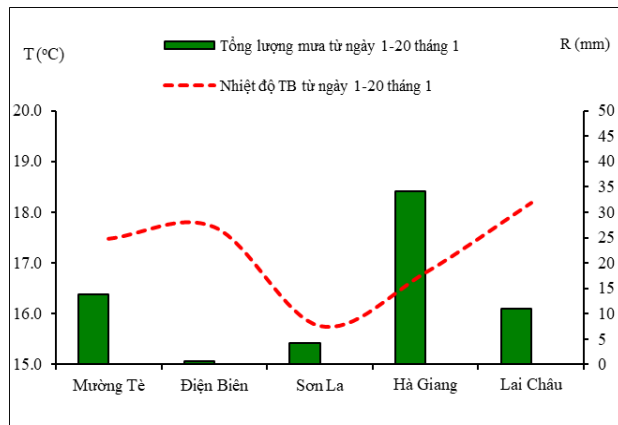
Từ ngày 01 đến ngày 20/01/2026, các điều kiện khí tượng trên phạm vi cả nước có nhiều biến động bất lợi đối với sản xuất nông nghiệp, nổi bật là rét đậm, rét hại ở miền Bắc; mưa ít kéo dài tại Trung Bộ và Tây Nguyên, cùng sự phân hóa nhiệt – ẩm rõ rệt giữa các vùng (Hình 1).

Nhiệt độ. Tuần đầu tháng 1, miền Bắc chịu ảnh hưởng của không khí lạnh mạnh, nhiệt độ trung bình phổ biến 15–17°C; khu vực Trung du và miền núi phía Bắc có nơi dưới 10°C (Sa Pa thấp nhất 7,8°C), Đồng bằng sông Hồng phổ biến 15,7–16,9°C. Sang tuần thứ hai, nhiệt độ trung bình tại hầu hết các trạm tăng nhẹ 1–4°C so với tuần 1. Khu vực Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ có xu thế tăng nhiệt nhẹ giữa hai tuần (khoảng 1–3°C). Khu vực Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long duy trì nền nhiệt ổn định 24–25°C, tương đối thuận lợi cho sản xuất cây trồng và chăn nuôi.

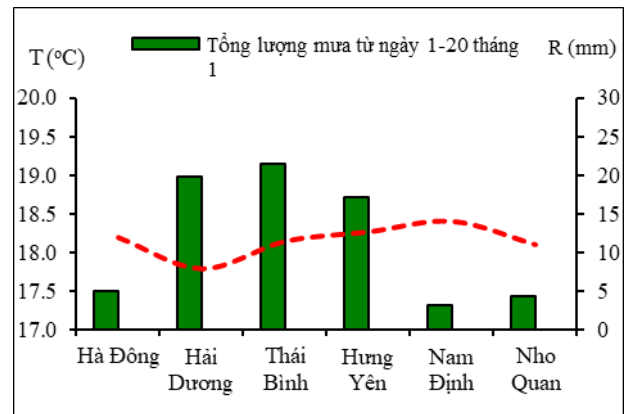
Lượng mưa. Trong hai tuần đầu tháng 1, mưa xuất hiện ít trên phạm vi cả nước. Ngoại trừ khu vực quần đảo Trường Sa ghi nhận lượng mưa lớn trong tuần 1 (197,3 mm), các khu vực khác chỉ có mưa rải rác, cục bộ. Bắc Trung Bộ ghi nhận lượng mưa từ 0,1–65 mm; Trung du và miền núi phía Bắc phổ biến 10–20 mm. Tây Nguyên hầu như không mưa trong thời kỳ từ 01–20/01, chỉ ghi nhận lượng mưa nhỏ tại An Khê (2,7 mm) và M’Đrăk (10,5 mm).

Độ ẩm không khí. Độ ẩm trung bình tại Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ dao động 77–91%. Tại khu vực Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, độ ẩm phổ biến 70–82%.

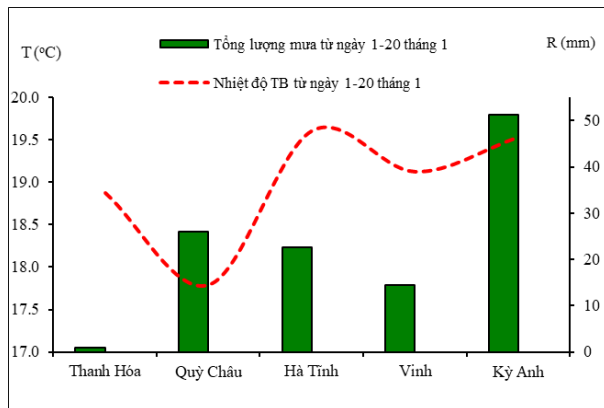
Các hiện tượng khí tượng bất lợi. Thời kỳ 01–20/01/2026, miền Bắc xuất hiện hai đợt rét đậm, rét hại: (i) Đợt đầu (đầu tháng 1): từ ngày 01/01, không khí lạnh mạnh ảnh hưởng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, gây mưa và rét; nhiệt độ tại Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến 11–14°C, Trung du và miền núi phía Bắc 8–11°C. Ngày 05–06/01, rét tăng cường, nhiệt độ vùng núi cao xuống dưới 5°C, một số nơi như Mẫu Sơn ghi nhận 3–5°C. (ii) Đợt thứ hai (từ ngày 20/01): không khí lạnh mạnh tràn xuống miền Bắc, gây rét sâu trên diện rộng; nhiệt độ tại Hà Nội và khu vực đồng bằng phổ biến 9–11°C, được đánh giá là đợt rét đậm, rét hại mạnh nhất từ đầu mùa đông 2025–2026.



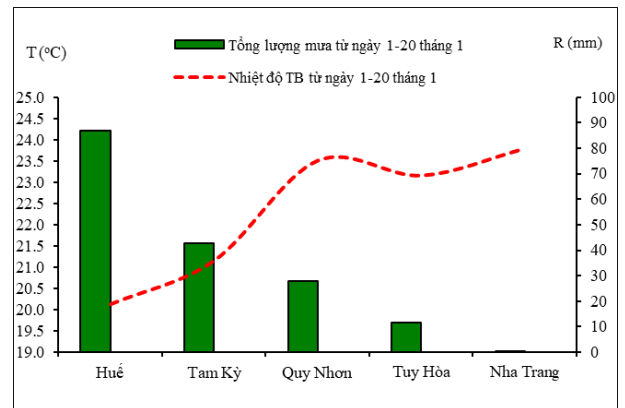
a) Trung du và miền núi phía Bắc



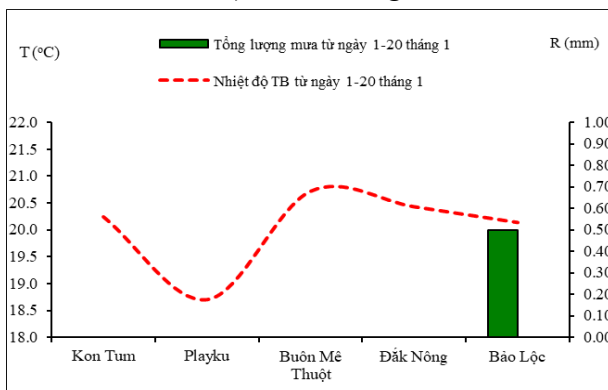
b) Đồng bằng sông Hồng



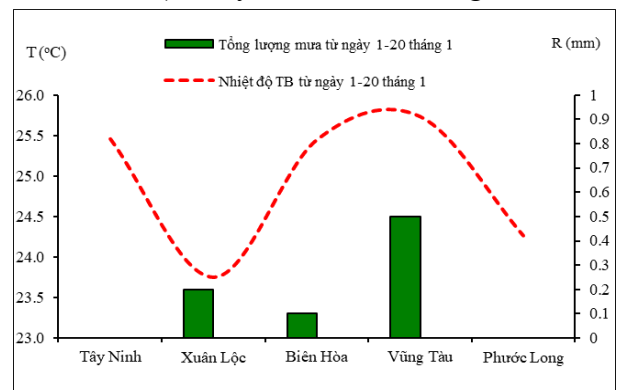
c) Bắc Trung Bộ



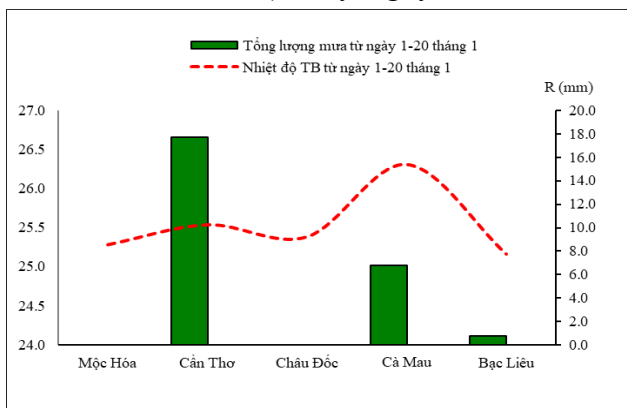
d) Duyên hải Nam Trung Bộ



e) Tây Nguyên



f) Đông Nam Bộ



g) Đồng bằng sông Cửu Long

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ ngày 1/1/2026 đến ngày 20/1/2026 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp

1.2. Sinh trưởng và sâu bệnh hại đối với một số cây trồng

a) Sinh trưởng cây trồng (Bảng 1):

Trong thời kỳ báo cáo, sinh trưởng cây trồng có sự phân hóa rõ theo vùng.

- Miền Bắc: lúa tại Trung du và miền núi phía Bắc ở giai đoạn bén rễ – hồi xanh; tại Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ chủ yếu gieo cấy.

- Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên: lúa chín – thu hoạch; cà phê chăm sóc – ra hoa.

- Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long: lúa chín, chuẩn bị thu hoạch; thanh long chăm sóc, thu hoạch.

b) Sâu bệnh hại (Bảng 2):

Sâu bệnh hại tiếp tục phát sinh trên một số cây trồng chính.

- Lúa: xuất hiện các đối tượng chủ yếu như đạo ôn, sâu cuốn lá, rầy hại lúa, sâu đục thân, đen lép hạt, ốc bươu vàng và chuột, tập trung tại Nam Bộ, Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Ngô: sâu keo mùa thu xuất hiện rải rác tại một số tỉnh miền Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Thanh long: bệnh đốm nâu ghi nhận tại các vùng trồng trọng điểm ở Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp và TP. Hồ Chí Minh.

- Cà phê: bệnh khô cành và gỉ sắt tiếp tục gây hại tại nhiều tỉnh Tây Nguyên.

Bảng 1. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
TDMNPB	Lúa	Bén rễ - hồi xanh, Gieo - 2,5 lá
	Ngô	Phát triển bắp, chín sấp, thu hoạch
ĐBSH	Lúa	Gieo cấy
BTB	Lúa	Gieo cấy
	Lạc	Mọc mầm
DHNTB	Lúa	Chín - Thu hoạch
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
TN	Lúa	Chín - Thu hoạch
	Cà phê	Chăm sóc - Ra hoa
ĐNB	Lúa	Chín
	Thanh long	Chăm sóc, phát triển thân lá
ĐBSCL	Lúa	Chín

(Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 1/2026)

Bảng 2. Tình hình sâu bệnh hại ở một số cây trồng chính

Cây trồng	Loại dịch bệnh	Diện tích nhiễm (ha)	Diện tích đã phòng trừ (ha)	Tình trạng nhiễm nặng (ha)	Phân bố chủ yếu
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	11.644	10.062	40	Lâm Đồng, An Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Đồng Tháp, Cà Mau
	Bệnh đạo ôn cổ bông	2.087	1.864	-	Lâm Đồng, Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long
	Sâu cuốn lá nhỏ	2.783	1.976	-	Lâm Đồng, Khánh Hòa, Hồ Chí Minh, An Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Đồng Tháp
	Rầy hại lúa	1.150	942	-	Lâm Đồng, An Giang, Đồng Tháp, Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Tây Ninh
	Sâu đục thân 2 chấm	423	370	-	Lâm Đồng, Khánh Hòa, Cần Thơ, Tây Ninh, An Giang
	Bệnh bạc lá	1.977	1.950	-	Lâm Đồng, Khánh Hòa, Cà Mau, Cần Thơ, An Giang, Hồ Chí Minh, Tây Ninh
	Bệnh đen lép hạt	2.005	1.951	-	Lâm Đồng, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau, Tây Ninh
	Ốc bươu vàng	7.857	7.472	37	Khánh Hòa, Gia Lai, Lâm Đồng, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau, Tây Ninh, Hồ Chí Minh, Đắk Lắk
	Chuột	4.416	4.301	-	Lâm Đồng, Khánh Hòa, An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long, Tây Ninh, Cần Thơ, Hồ Chí Minh, Điện Biên, Huế
Ngô	Sâu keo mùa thu	129	88	-	Bắc Ninh, Ninh Bình, Phú Thọ, Hà Nội, Thanh Hóa, Đắk Lắk
Thanh long	Bệnh đốm nâu	1.235	218	-	Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Tháp, Tp Hồ Chí Minh
Cà phê	Bệnh khô cành	4.482	571	42	Điện Biên, Quảng Trị, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai
	Bệnh gỉ sắt	3.625	477	150	Điện Biên, Sơn La, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Đồng Nai

Nguồn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tháng 1/2026

1.3. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng

a. Đến cây trồng

Từ ngày 01 đến ngày 20/01/2026, các điều kiện khí tượng chưa thuận lợi cho sản xuất cây trồng, đặc biệt là cây lúa.

Thiếu nước, khô hạn: Lượng mưa thấp khiến nguồn nước không đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa tại nhiều khu vực. Đồng bằng sông Hồng ghi nhận tình trạng thiếu nước trong giai đoạn gieo cấy; Đồng bằng sông Cửu Long thiếu nước trên diện rộng với mức thiếu nghiêm trọng (Bảng 3, Hình 3).

Rét đậm, rét hại: Các đợt rét đậm, rét hại tại miền Bắc ảnh hưởng bất lợi đến sinh trưởng lúa, đặc biệt ở giai đoạn bén rễ – hồi xanh tại Đồng bằng sông Hồng. Nhiệt độ thấp làm rễ phát triển chậm, đồng thời điều kiện rét ẩm tạo thuận lợi cho bệnh đạo ôn phát sinh sớm, tiềm ẩn nguy cơ giảm năng suất (Hình 2).

b) Đối với vật nuôi

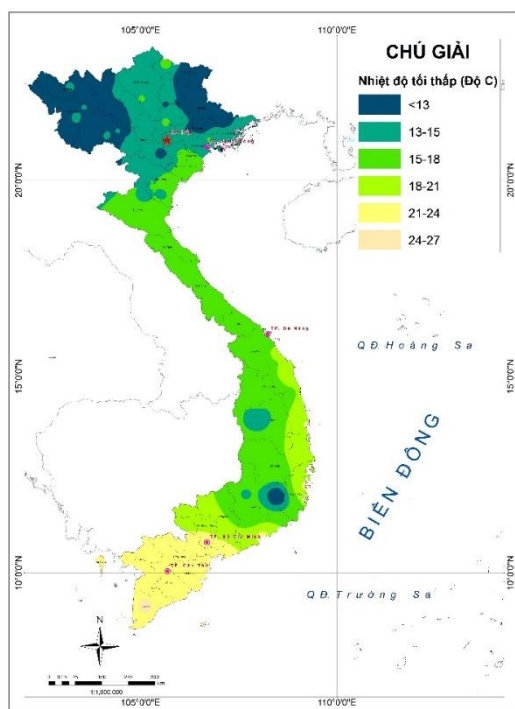
Nhiệt độ thấp: Nhiệt độ tối thấp dưới 13°C xuất hiện tại một số khu vực Tây Bắc và Đông Bắc, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh trưởng và sức đề kháng của gia súc, gia cầm, làm tăng nguy cơ mắc các bệnh hô hấp và tiêu hóa (Hình 2).

Căng thẳng nhiệt: Chỉ số nhiệt – ẩm (THI) trung bình trên phạm vi cả nước chủ yếu ở mức bình thường; tuy nhiên, một số khu vực Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện THI cao hơn, có thể gây stress nhiệt cục bộ cho gia súc, gia cầm (Hình 5).

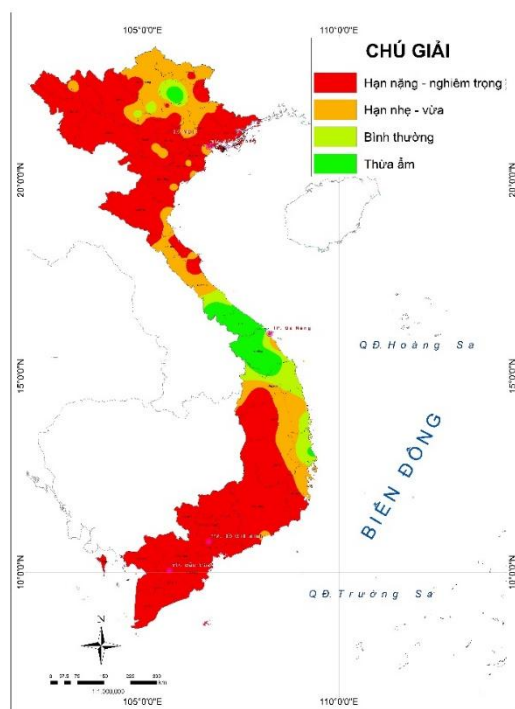
Bảng 3. Mức độ thiếu/thừa nước tự nhiên đối với nhu cầu nước của cây lúa từ ngày 1-20 tháng 1/2026

Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSH	Sơn Tây	57.4	8.8	-48.6
	Hà Đông	60.1	5.0	-55.1
	Hải Dương	62.4	19.8	-42.6
	Hưng Yên	57.4	17.1	-40.3
	Nam Định	59.4	3.1	-56.3
	Văn Lý	60.7	0.5	-60.2
	Nho Quan	60.8	4.3	-56.5
	Ninh Bình	58.5	1.5	-57.0
	Thái Bình	58.4	21.5	-36.9

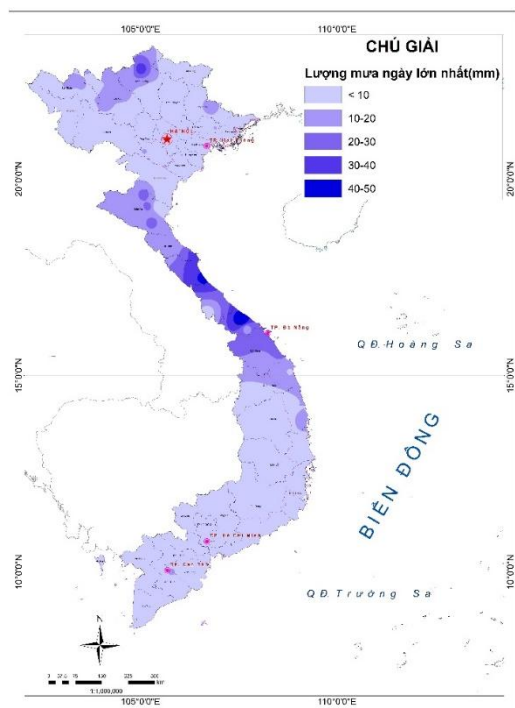
Vùng sinh thái	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa (mm)	Lượng mưa thực tế (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu (mm)
ĐBSCL	Mộc Hóa	163.3	0.0	-163.3
	Mỹ Tho	156.0	12.0	-144.0
	Cao Lãnh	152.2	0.0	-152.2
	Càng Long	156.6	4.3	-152.3
	Châu Đốc	154.8	0.0	-154.8
	Cần Thơ	157.3	17.7	-139.6
	Sóc Trăng	153.7	0.3	-153.4
	Rạch Giá	160.1	1.2	-158.9
	Bạc Liêu	160.4	0.8	-159.6



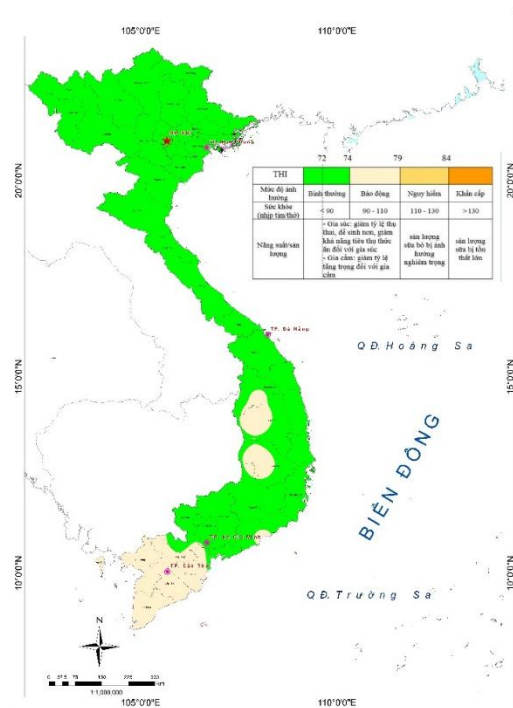
Hình 2. Nhiệt độ tối thấp trung bình (Tm) từ ngày 1-20 tháng 1/2026



Hình 3. Điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp từ ngày 1-20 tháng 1/2026



Hình 4. Lượng mưa ngày lớn nhất từ ngày 1-20 tháng 1/2026



Hình 5. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI) trung bình từ ngày 1-20 tháng 1/2026

PHẦN II.

DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 02–04/2026

2.1. Nhận định rủi ro và tác động của khí hậu từ tháng 2 đến tháng 4/2026

2.1.1. Xu thế khí hậu thời kỳ tháng 02–04/2026

Trong mùa tháng 02–04/2026, điều kiện khí hậu trên phạm vi cả nước (Theo bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” số tháng 1/2026) có một số xu thế chính và yếu tố bất lợi đáng lưu ý đối với sản xuất nông nghiệp:

- ENSO đang trong trạng thái La Niña và có khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính trong mùa 02–04/2026, làm gia tăng biến động thời tiết trong giai đoạn chuyển mùa.

- Rét đậm, rét hại: Trong nửa đầu tháng 02/2026, vẫn có khả năng xuất hiện các đợt rét đậm, rét hại tại miền Bắc, đặc biệt ở vùng núi phía Bắc, kèm nguy cơ sương muối và băng giá, gây bất lợi cho cây trồng và vật nuôi.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Bộ, trong khi Trung Bộ và Nam Bộ xấp xỉ TBNN; sự gia tăng nhiệt từ cuối tháng 3 có thể ảnh hưởng đến sinh trưởng cây trồng vụ đông xuân và đầu vụ hè thu.

- Lượng mưa: Tổng lượng mưa có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ, tiềm ẩn nguy cơ thiếu nước cục bộ cho sản xuất; trong khi đó, Nam Bộ có khả năng xuất hiện mưa trái mùa, gây ảnh hưởng đến thu hoạch và phòng trừ sâu bệnh.

- Nắng nóng: Thời gian xuất hiện xấp xỉ TBNN, tập trung ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, làm gia tăng nguy cơ stress nhiệt đối với cây trồng và vật nuôi.

2.1.1. Rủi ro khí tượng đối với cây trồng trong tháng 02–04/2026

Trong tháng 02–04/2026, các điều kiện khí hậu dự báo có thể gây ra một số rủi ro đối với cây trồng, chủ yếu thông qua khô hạn, thiếu/thừa nước và sự gia tăng nguy cơ sâu bệnh.

Ảnh hưởng của khô hạn và phân hóa ẩm:

Theo chỉ số hạn nông nghiệp, từ tháng 02/2026, điều kiện khô hạn có khả năng xuất hiện tại khu vực Tây Bắc (hạn nhẹ) và Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long (hạn nặng). Trong giai đoạn tháng 02–03/2026, khô hạn còn xuất hiện cục bộ tại Tây Nguyên và ĐBSCL, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển cây trồng. Sang tháng 04/2026, điều kiện ẩm được cải thiện, nguy cơ khô hạn giảm rõ rệt (Hình 6).

Ảnh hưởng của lượng mưa đến cân bằng nước cho cây lúa:

Do lượng mưa dự báo thấp trong tháng 02/2026, Đồng bằng sông Hồng có nguy cơ thiếu nước, không đáp ứng đủ nhu cầu nước cho lúa. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, trong tháng 02–03/2026, lượng mưa thấp gây thiếu nước nghiêm trọng cho cây lúa trên diện rộng. Sang tháng 04/2026, khi mưa gia tăng, nhiều khu vực có thể chuyển sang dư thừa nước, gây bất lợi cho sinh trưởng lúa (Bảng 4).

Ảnh hưởng của biến động nhiệt – ẩm đến sâu bệnh hại:

Sự biến động của nhiệt độ và độ ẩm trong giai đoạn chuyển mùa, đặc biệt sau các đợt rét và mưa trái mùa, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng sâu bệnh phát sinh và lây lan. Trên cây lúa, nguy cơ gia tăng rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá, sâu đục thân và bệnh đạo ôn; trên các cây trồng khác như ngô, cà phê, thanh long, hồ tiêu, các dịch hại chính tiếp tục có khả năng phát sinh trong thời kỳ dự báo.

Tóm tắt rủi ro trong các tháng:

Tháng 02/2026: rủi ro chính do khô hạn và thiếu nước, đặc biệt tại ĐBSH và ĐBSCL.

Tháng 03/2026: khô hạn giảm tại Bắc Bộ, song ĐBSCL vẫn chịu ảnh hưởng thiếu nước cục bộ.

Tháng 04/2026: rủi ro khô hạn giảm trên phạm vi cả nước, nhưng nguy cơ dư thừa nước có thể xuất hiện, gây bất lợi cho cây lúa (Bảng 5).

Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước của cây lúa từ lượng mưa dự báo thời kỳ 02–04/2026

Vùng sinh thái	Trạm	Thiếu (-)/Thừa (+) nước (m ³ /ha)			Khuyến cáo
		Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	
ĐBSH	Sơn Tây	-325	-27	+693	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước Tháng 4: Dư thừa nước
	Hà Đông	-303	-30	+616	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước Tháng 4: Dư thừa nước
	Hải Dương	-334	+58	+684	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3: Đủ ẩm Tháng 4: Dư thừa nước
	Hưng Yên	-250	+85	+662	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3: Đủ ẩm Tháng 4: Dư thừa nước
	Nam Định	-245	+128	+624	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3: Đủ ẩm Tháng 4: Dư thừa nước
	Văn Lý	-207	+116	+419	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3,4: Đủ ẩm
	Nho Quan	-260	-56	+309	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước Tháng 4: Đủ ẩm
	Ninh Bình	-198	-24	+257	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước Tháng 4: Đủ ẩm
ĐBSCL	Mộc Hóa	-1534	-390	+1316	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Mỹ Tho	-1582	-468	+1049	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Cao Lãnh	-1429	-282	+1241	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Càng Long	-1575	-409	+1113	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Châu Đốc	-1487	-255	+1584	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Cần Thơ	-1556	-374	+1068	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Sóc Trăng	-1524	-388	+1253	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Rạch Giá	-1457	-196	+1543	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước
	Bạc Liêu	-1596	-435	+1224	Tháng 2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 4: Quá dư thừa nước

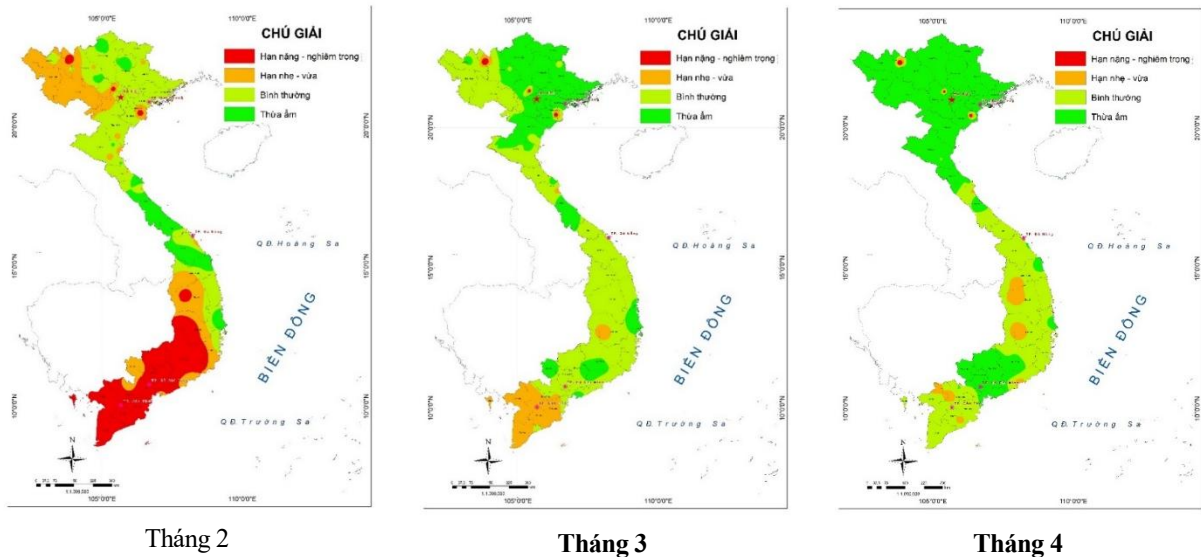
Bảng 5. Tổng hợp mức độ thuận lợi/không thuận lợi đối với sinh trưởng một số cây trồng do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu (02–04/2026)

Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2026											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
TDMNPB	Lúa		ITL	TL	ITL								
	Lúa nương												
	Ngô			TL	ITL								
ĐBSH	Lúa		ITL	TL	ITL								
BTB	Lúa		ITL	TL	ITL								
	Lạc		TL	TL	ITL								
DHNTB	Lúa		ITL	ITL	ITL								
	Thanh Long		ITL	ITL	ITL								
TN	Lúa		ITL	ITL	ITL								
	Cà phê		ITL	ITL	ITL								
ĐNB	Lúa		ITL	ITL									
	Thanh Long		ITL	ITL	ITL								
ĐBSCL	Lúa		ITL	ITL									

Chú giải:

	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN



Hình 6. Dự báo điều kiện khô hạn/âm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp tháng 2/2026 đến tháng 4/2026

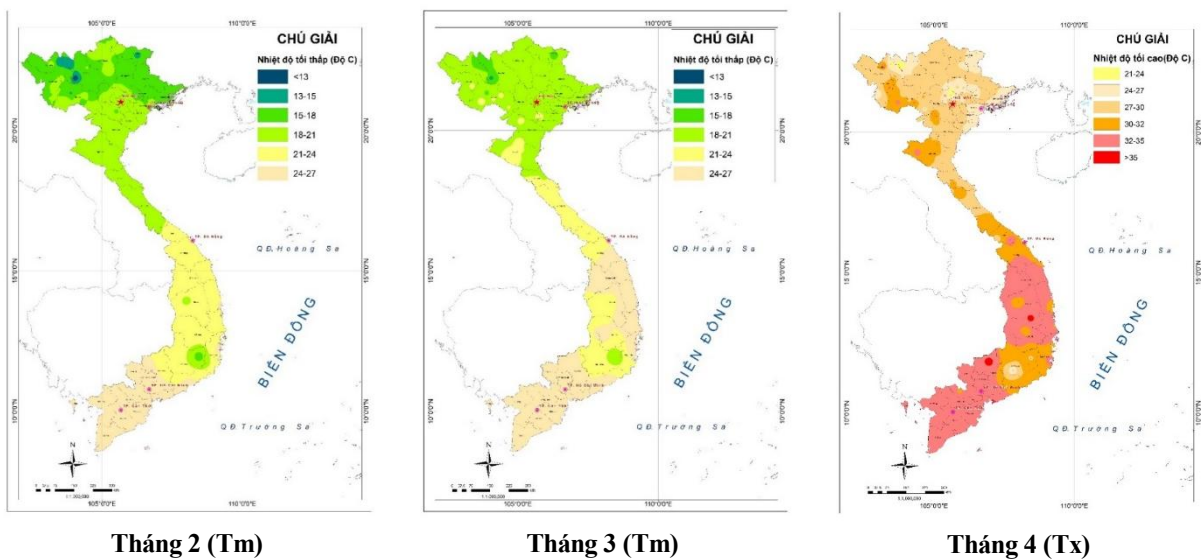
2.1.2. Rủi ro đối với vật nuôi

Trong tháng 02–04/2026, rủi ro đối với vật nuôi chủ yếu liên quan đến rét trong đầu thời kỳ và căng thẳng nhiệt do nhiệt – ẩm tăng về cuối thời kỳ.

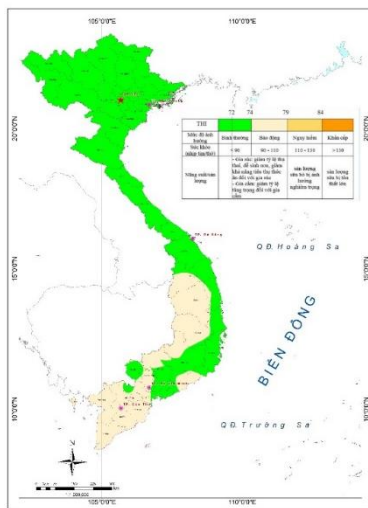
Tháng 02/2026: Xuất hiện rét đậm tại một số khu vực miền núi phía Bắc, ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi; theo chỉ số THI, mức độ ảnh hưởng bắt đầu ghi nhận tại Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long (Hình 7).

Tháng 03/2026: Ảnh hưởng theo chỉ số THI mở rộng sang Duyên hải Nam Trung Bộ, gây bất lợi cho chăn nuôi (Hình 8).

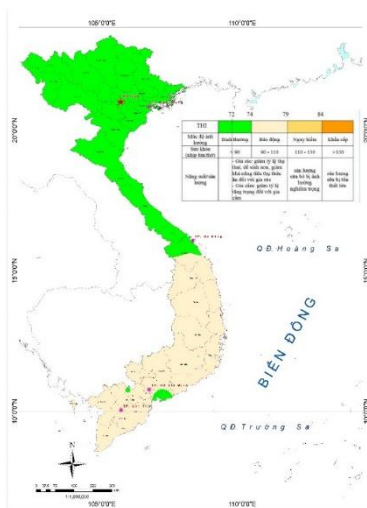
Tháng 04/2026: Nhiệt độ gia tăng, nắng nóng xuất hiện, theo chỉ số THI, nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi xảy ra trên phạm vi cả nước, biểu hiện qua giảm ăn, rối loạn hô hấp và suy giảm sức đề kháng (Hình 8).



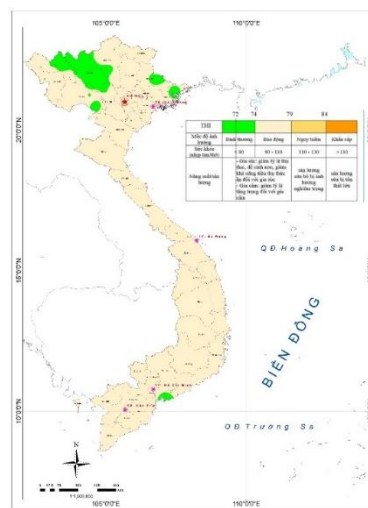
Hình 7. Dự báo nhiệt độ trung bình tháng 2/2026 đến tháng 4/2026 (°C)



Tháng 2



Tháng 3



Tháng 4

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thời)	< 90	90 - 110	110 - 130	> 130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, đẻ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 8. Nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi từ tháng 2/2026 đến tháng 4/2026 dựa trên chỉ số THI

PHẦN III.

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (02–04/2026)

Trung du và miền núi phía Bắc

Trong tháng 02–03/2026, rủi ro thiếu nước còn tồn tại theo dự báo khí hậu, cần chủ động điều tiết và cấp nước, duy trì mực nước ruộng 3–5 cm cho cây lúa. Sang tháng 04/2026, khi điều kiện ẩm tăng và lúa bước vào giai đoạn chín, cần chú ý tiêu thoát nước, duy trì độ ẩm đất phù hợp.

Đồng bằng sông Hồng

Theo dự báo, tháng 02/2026 có khả năng thiếu nước do lượng mưa thấp, cần bổ sung nước cho lúa trong các giai đoạn sinh trưởng. Tháng 03/2026, điều kiện ẩm thuận lợi hơn, tiếp tục duy trì mực nước ruộng hợp lý. Tháng 04/2026, nguy cơ dư thừa nước gia tăng, cần tăng cường tiêu thoát để hạn chế ngập úng.

Bắc Trung Bộ

Trong tháng 02–03/2026, điều kiện khí hậu dự báo tương đối thuận lợi về nước cho gieo trồng và sinh trưởng của cây lúa. Sang tháng 04/2026, khi lượng mưa tăng, cần chủ động các biện pháp tiêu thoát nước để giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi.

Duyên hải Nam Trung Bộ

Trong tháng 03/2026, cần duy trì độ ẩm đất phù hợp đối với lúa; đối với thanh long, chú ý tưới bổ sung và chăm sóc cây sau thu hoạch. Tháng 04/2026, theo dự báo khí hậu, nguy cơ dư thừa nước xuất hiện, cần đảm bảo khả năng tiêu thoát và quản lý ẩm hợp lý.

Tây Nguyên

Trong tháng 02–03/2026, nguy cơ thiếu nước có thể ảnh hưởng đến lúa và cây công nghiệp lâu năm, cần chủ động nguồn nước tưới theo diễn biến khí hậu. Đối với cà phê, duy trì độ ẩm ổn định và theo dõi các đối tượng sâu bệnh phát sinh trong điều kiện thời tiết biến động. Tháng 04/2026, cần đề phòng dư thừa nước khi mưa tăng.

Đông Nam Bộ

Theo dự báo, trong tháng 02–03/2026, cây trồng chủ lực như lúa và thanh long có nguy cơ thiếu nước, cần đảm bảo đủ nước tưới trong các giai đoạn sinh trưởng quan trọng. Sang tháng 04/2026, khi lượng mưa gia tăng, cần chú ý tiêu thoát nước, duy trì độ ẩm thích hợp.

Đồng bằng sông Cửu Long

Trong tháng 02–03/2026, rủi ro thiếu nước tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất lúa theo dự báo khí hậu, cần điều tiết mực nước ruộng phù hợp theo từng giai đoạn sinh trưởng. Tháng 04/2026, khi điều kiện ẩm tăng, cần quản lý tốt mực nước và tiêu thoát để hạn chế ngập úng.

Bảng 6. Tổng hợp giải pháp ứng phó rủi ro khí hậu đối với cây trồng (02–04/2026)

Vùng	Cây trồng	Rủi ro khí hậu chính	Tháng 02/2026	Tháng 03/2026	Tháng 04/2026
TDMNPB	Lúa	Thiếu nước (T2), đủ ẩm (T3), dư nước (T4)	Duy trì mực nước ruộng 3–5 cm (giai đoạn đứng cái–lâm đồng)	Duy trì mực nước ruộng 3–5 cm (trở bông–chắc xanh)	Chủ động tiêu thoát nước, duy trì ẩm phù hợp (lúa chín)
	Ngô	Thiếu nước (T2), đủ ẩm (T3), dư nước (T4)	Theo dõi ẩm đất giai đoạn thu hoạch	Duy trì ẩm đất phù hợp giai đoạn cây con (2–3 lá)	Chủ động tiêu thoát nước giai đoạn phát triển bắp
ĐBSH	Lúa	Thiếu nước (T2), đủ ẩm (T3), dư nước (T4)	Duy trì mực nước ruộng 3–5 cm (đứng cái–lâm đồng)	Bổ sung nước đảm bảo trở bông–chắc xanh	Tiêu thoát nước tốt, tránh úng (lúa chín)
BTB	Lúa	Đủ ẩm (T2–T3), dư nước (T4)	Duy trì mực nước ruộng 3–5 cm	Theo dõi ẩm ruộng giai đoạn trở	Chủ động tiêu thoát nước khi mưa tăng
	Lạc	Đủ ẩm (T2–T3), dư nước (T4)	Duy trì độ ẩm đất giai đoạn cây con	Duy trì ẩm đất giai đoạn hình thành củ	Tiêu thoát nước, tránh úng rễ
DHNTB	Lúa	Thiếu nước (T2), đủ ẩm (T3), dư nước (T4)	Đảm bảo độ ẩm ruộng giai đoạn thu hoạch	Duy trì mực nước 3–5 cm giai đoạn gieo trồng	Tiêu thoát nước, quản lý ẩm giai đoạn đẻ nhánh
	Thanh long	Thiếu nước (T2), đủ ẩm (T3), dư nước (T4)	Bổ sung nước, duy trì ẩm thân–rễ	Tiếp tục tưới bổ sung, chăm sóc cây	Tiêu thoát nước, tránh úng gốc
Tây Nguyên	Lúa	Thiếu nước (T2–T3), dư nước (T4)	Duy trì mực nước ruộng 3–5 cm (gieo trồng)	Bổ sung nước, duy trì ẩm ruộng (mạ–đẻ nhánh)	Điều tiết nước phù hợp giai đoạn ngâm sữa–chắc xanh
	Cà phê	Thiếu nước (T2–T3), dư nước (T4)	Theo dõi ẩm đất giai đoạn thu hoạch	Tiếp tục quản lý ẩm đất	Tiêu thoát nước, tránh úng gốc (quả non)
ĐNB	Lúa	Thiếu nước (T2–T3), dư nước (T4)	Theo dõi ẩm ruộng giai đoạn thu hoạch	Duy trì mực nước 3–5 cm (gieo trồng)	Duy trì mực nước phù hợp (mạ–đẻ nhánh)
	Thanh long	Thiếu nước (T2–T3), dư nước (T4)	Đảm bảo đủ ẩm giai đoạn phát triển quả	Tiếp tục tưới bổ sung, cải tạo đất	Tiêu thoát nước, duy trì ẩm phù hợp (quả chín)
ĐBSCL	Lúa	Thiếu nước (T2–T3), dư nước (T4)	Theo dõi nước ruộng giai đoạn thu hoạch	Duy trì mực nước 3–5 cm (gieo trồng)	Điều tiết nước phù hợp (mạ–đẻ nhánh)



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu,
Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển
Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Hà Nội.
Email: ktnn.imhen@mae.gov.vn